BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT, THỐNG KÊ NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

Số: 721 /BCĐ

V/v hướng dẫn rà soát, thống kê người nghiện ma túy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Kính gửi: - Ban chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm các tỉnh, thành phố
- Tổng cục VIII, C44, A92, Bộ Công an.

Thực hiện Quyết định số 2434/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thống kê người nghiện ma túy, Ban Chỉ đạo thống kê người nghiện ma túy Trung ương đã xây dựng Hướng dẫn triển khai (gửi kèm theo công văn).

I. Ban Chỉ đạo đề nghị Ban chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm các tỉnh, thành phố khẩn trương thực hiện các công tác sau:

1. Thành lập Ban chỉ đạo rà soát, thống kê người nghiện ma túy và xây dựng kế hoạch triển khai tại địa phương.

2. Chỉ đạo Công an cấp tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 15/KH-BCA-C41 ngày 16/1/2014 của Bộ Công an về rà soát, thống kê người nghiện ma túy.

3. Căn cứ Hướng dẫn này tiến hành tập huấn, hướng dẫn cho Công an cấp huyện, cấp xã, các cơ sở cai nghiện, cơ sở quản lý sau cai trên địa bàn quản lý (Ban chỉ đạo đã tập huấn cho Công an cấp tỉnh).

II. Đề nghị các đơn vị thuộc Bộ Công an triển khai công tác rà soát, thống kê theo Hướng dẫn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Thường trực Ban chỉ đạo thống kê người nghiện ma túy Trung ương (Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy, ĐT: 069.22606, Fax: 043.938.7183) để hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để theo dõi);
- Công an 63 tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VT, C56(P6).

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

PHÓ TCT TỔNG CỤC CS PCTP
Trung tướng Đỗ Kim Tuyến

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 420/SY-UBND

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- CVP, K11, K16;
- Lưu: VT (09b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 18 tháng 3 năm 2014

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG

Nguyễn Thái Bình

BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT, THỐNG KÊ NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

Số: 720 /BCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

HƯỚNG DẪN
Rà soát, thống kê người nghiện ma túy

Thực hiện Quyết định số 2434/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thống kê người nghiện ma túy, Ban chỉ đạo thống kê người nghiện ma túy hướng dẫn như sau:

I. YÊU CẦU

- Thống nhất thời gian rà soát, thống kê người nghiện ma túy từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 5 năm 2014, thời điểm chốt số liệu là ngày 31 tháng 5 năm 2014. Trong đó, việc rà soát, loại, phát hiện người nghiện ma túy mới, lập biểu người nghiện ma túy (Biểu mẫu số 1) được tiến hành đồng thời.

- Công an các địa phương triển khai công tác rà soát, thống kê người nghiện ma túy ở cấp xã, huyện, tỉnh; Tổng cục Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp, Cơ quan An ninh điều tra, Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra rà soát, thống kê người nghiện ma túy ở các trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng thuộc phạm vi quản lý; các cơ sở cai nghiện và cơ sở quản lý sau cai thống kê số người nghiện trong cơ sở mình quản lý.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công an địa phương

1.1. Công an cấp xã

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành:

- Huy động các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức phát động phong trào toàn dân tham gia phát giác, cung cấp thông tin về người nghiện ma túy.

- Rà soát các đối tượng tại tổ dân phố, cụm dân cư.

- Rà soát các đối tượng làm việc, phục vụ trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện.

- Rà soát, xác định đối tượng lao động, làm việc tại các doanh nghiệp, các khu lưu trú.

- Rà soát đối tượng là học sinh, sinh viên trên địa bàn quản lý.

b) Xác định, lập Biểu mẫu số 1 (BM1) người nghiện ma túy mới phát hiện dựa vào các căn cứ sau:

+ Bị bắt quả tang sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Có kết quả xét nghiệm về ma túy dương tính .

+ Đối tượng tự nhận mình sử dụng trái phép chất ma túy.

* Các tài liệu liên quan khác (có lời khai của các đối tượng khác, có đơn thư phát giác, gia đình đối tượng trình báo,...).

c) Lập BM1 người nghiện ma túy đã có hồ sơ quản lý thuộc các trường hợp sau:

+ Người nghiện ma túy hiện tại chưa được cai nghiện.

+ Người nghiện ma túy đang được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

+ Người nghiện ma túy đang được quản lý sau cai tại nơi cư trú.

+ Người nghiện ma túy đang điều trị bằng thuốc thay thế (Methadone).

+ Người nghiện ma túy đã thực hiện xong hình thức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng có khoảng thời gian theo dõi quản lý tại địa phương chưa đủ 3 năm (tính đến thời điểm rà soát).

d) Lập danh sách theo dõi, quản lý tại địa phương với những trường hợp sau:

+ Người nghiện ma túy bị bắt tạm giam, đi thi hành án phạt tù, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện, cơ sở quản lý sau cai.

+ Người đã thực hiện xong hình thức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, sau khoảng thời gian theo dõi, quản lý từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm rà soát) nếu không có tài liệu chứng minh người đó còn sử dụng ma túy.

+ Người đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú và tại cơ sở quản lý sau cai (tính đến thời điểm rà soát).

* Chú ý: Đối với một số mô hình cai nghiện ma túy đặc trưng của tỉnh như tỉnh Tuyên Quang, Sơn La

- Lập BM1 đối với người nghiện ma túy đang thực hiện cai nghiện theo mô hình của địa phương.

- Lập danh sách theo dõi, quản lý đối với những người được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hoàn thành cai nghiện.

e) Tổng hợp, thống kê báo cáo:

Tổng hợp, thống kê người nghiện ma túy trên Biểu mẫu số 2 (BM2), gửi Công an cấp huyện BM1 và BM2 trên trước ngày 05 tháng 6 năm 2014.

1.3. Công an cấp huyện

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc cấp xã thực hiện rà soát, thống kê người nghiện ma túy trên địa bàn.

b) Lập BM1 người nghiện ma túy mới phát hiện trong nhà tạm giữ.

c) Thống kê người nghiện ma túy trong toàn huyện vào BM2; phân tích, đánh giá, báo cáo Công an cấp tỉnh trước ngày 10 tháng 6 năm 2014.

đ) Nhập BM1 vào phần mềm của Trung tâm Dữ liệu.

1.4. Công an cấp tỉnh

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Xây dựng Kế hoạch, thành lập Ban chỉ đạo rà soát, thống kê người nghiện ma túy.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, tập huấn cho Công an cấp huyện, cấp xã, cơ sở cai nghiện, cơ sở quản lý sau cai trên địa bàn.

b) Tổ chức phát giác, cung cấp thông tin về người nghiện ma túy trong trại tạm giam và ngoài xã hội. Những thông tin nghi vấn về người nghiện ma túy thu thập được gửi Công an cấp xã để xác minh.

c) Rà soát, xác định người nghiện ma túy mới, lập biểu BM1 người nghiện ma túy đang trong trại tạm giam.

d) Tổng hợp số liệu người nghiện ma túy trong toàn tỉnh (xã, huyện, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện, cơ sở quản lý sau cai thuộc địa bàn tỉnh) theo biểu BM2 và phân tích, đánh giá, báo cáo kết quả thống kê về Bộ Công an qua Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm (Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy) trước ngày 30 tháng 6 năm 2014.

g) Nhập số liệu từ BM1 vào phần mềm của Trung tâm Dữ liệu.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Công an

2.1. Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (C44)

a) Tổ chức phát giác, cung cấp thông tin về người nghiện ma túy trong trại tạm giam và ngoài xã hội. Sau đó, những thông tin nghi vấn về người nghiện ma túy ngoài xã hội gửi Công an cấp tỉnh để xác minh.

b) Lập biểu BM1 đối với người nghiện ma túy tại các Trại tạm giam T16, T17; tổng hợp vào biểu BM2.

c) Báo cáo kết quả thống kê về Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm qua Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy trước ngày 30 tháng 6 năm 2014 (gửi kèm biểu BM1 và BM2).

2.2. Cục An ninh điều tra (A92)

a) Tổ chức phát giác, cung cấp thông tin về người nghiện ma túy trong trại tạm giam và ngoài xã hội. Sau đó, những thông tin nghi vấn về người nghiện ma túy ngoài xã hội gửi Công an cấp tỉnh để xác minh.

b) Lập BM1 đối với người nghiện ma túy tại các Trại tạm giam B14, B34,; tổng hợp vào BM2.

c) Báo cáo kết quả thống kê về Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm qua Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy trước ngày 30 tháng 6 năm 2014 (gửi kèm BM1 và BM2).

2.3. Tổng cục Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp

a) Xây dựng kế hoạch rà soát, thống kê người nghiện ma túy.

b) Tổ chức phát giác, cung cấp thông tin về người nghiện ma túy trong trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng. Sau đó, những thông tin nghi vấn về người nghiện ma túy ngoài xã hội gửi Công an cấp tỉnh để xác minh.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, trại giam rà soát, xác định người nghiện ma túy mới và lập biểu BM1 người nghiện ma túy đang trong trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, tổng hợp vào biểu mẫu số 2; báo cáo Tổng cục Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp kết quả thống kê người nghiện ma túy trước ngày 05 tháng 6 năm 2014.

d) Tổng hợp, phân tích, đánh giá và báo cáo kết quả thống kê người nghiện ma túy về Bộ Công an qua Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm (Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy) trước ngày 30 tháng 6 năm 2014 (gửi kèm biểu BM1 và BM2).

3. Cơ sở cai nghiện và cơ sở quản lý sau cai

a) Tổ chức phát giác, cung cấp thông tin về người nghiện ma túy ngoài xã hội. Sau đó, những thông tin nghi vấn về người nghiện ma túy gửi Công an cấp tỉnh để xác minh.

b) Lập BM1 đối với người nghiện ma túy, tổng hợp vào BM2.

c) Báo cáo kết quả thống kê về Công an cấp tỉnh trước ngày 10 tháng 6 năm 2014 (gửi kèm BM1 và BM2).

III. CÁCH THỨC VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU THỐNG KÊ

- Rà soát, thống kê theo biểu mẫu được ban hành.

- Kết quả thống kê người nghiện ma túy cần được phân tích, tổng hợp, đánh giá; nêu ra những khó khăn, vướng mắc và những đề xuất, kiến nghị về công tác thống kê, quản lý người nghiện ma túy tại địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Được áp dụng theo các văn bản cơ bản dưới đây:

- Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

- Thông tư số 53/2012/TT-BTC ngày 09/4/2012 của Bộ Tài chính quy định quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí các cuộc tổng điều tra thống kê do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử.

- Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức.

Kinh phí được chi từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống ma túy giai đoạn 2012- 2015 phân bổ hàng năm cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Dự án "Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy".

Nội dung chi có thể được vận dụng như sau:

1. Kinh phí cho công tác chỉ đạo:

- Tổ chức hội nghị, tổng kết: thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC
- Xây dựng báo cáo kết quả thống kê: thực hiện theo Thông tư số 53/2012/TT-BTC (7 tr - 10tr/1 báo cáo).
- Khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ - CP.

2. Kinh phí tập huấn theo Thông tư số 139/2010/TT - BTC: thù lao giảng viên, tài liệu tập huấn, thuê hội trường, thiết bị (nếu cần), chi nước uống, văn phòng phẩm...

3. Kinh phí thực hiện hoạt động thống kê

- Chi đồ dùng văn phòng phẩm, phục vụ công tác thống kê.
- Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra (30.000đ//phiếu)
- Chi xử lý kết quả thống kê: nhập tin, xử lý, tổng hợp số liệu thống kê thực hiện theo Thông tư số 137/2007/TT-BTC (250đ/1 trường).
- Chi phân tích, đánh giá kết quả thống kê (1.500.000đ/1 báo cáo) theo Thông tư số 53/2012/TT-BTC.

4. Kinh phí làm ngoài giờ thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm (C56 - Thường trực Ban chỉ đạo thống kê người nghiện ma túy Trung ương) để kịp thời hướng dẫn.

(ĐT: 069.22606. Fax: 043.938.7183).

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để theo dõi);
- Tổng cục VIII, C44, A92, Bộ Công an (để thực hiện).
- Ban chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Công an 63 tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VT, C56(P6).

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

PHÓ TCT TỔNG CỤC CS PCTP
Trung tướng Đỗ Kim Tuyến

ĐƠN VỊ LẬP BIỂU

.....

BIỂU MẪU THÔNG TIN NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

(dùng cho rà soát, thống kê người nghiện ma túy)

BM1

Ngày lập biểu mẫu: .... / .... / ....

1 – Họ và tên: .....

2 – Tên khác: .....

3 – Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

4 – Ngày/tháng/năm sinh: .... / .... / .....

5 – Số CMND: .....

6 – Ngày cấp: ..... 7 – Nơi cấp: .....

8 – Trình độ văn hoá:

+ Chưa đi học ☐ + Cấp 1 ☐ + Cấp 2 ☐ + Cấp 3 ☐

+ Đại học, cao đẳng, trung cấp ☐ + Sau đại học ☐

9 – Nguyên quán:

.....

10 – Nơi đăng ký HKTT:

.....

11 – Nơi ở hiện nay:

.....

12 – Quốc tịch: Việt Nam: ☐ Khác: ☐

13 – Dân tộc: Kinh: ☐ Khác: ☐

14 – Tôn giáo: Có: ☐ Không: ☐

15 – Việc làm của người nghiện:

+ Có việc làm ổn định: ☐ + Có việc làm nhưng không ổn định: ☐

+ Không có việc làm: ☐

16 – Thành phần:

+ Học sinh: ☐ +Sinh viên: ☐ + Cán bộ: ☐ + Công nhân: ☐

+ Nông dân: ☐ + Khác: ☐

17 – Nhân thân người nghiện:

+ Có tiền án các tội về ma túy: ☐ + Có tiền án về tội phạm khác: ☐

+ Bị xử lý vi phạm hành chính về ma túy: ☐

+ Bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi vi phạm khác: ☐

18 – Thời điểm bắt đầu sử dụng ma túy: .....

19 – Thời điểm bị các lực lượng chức năng phát hiện sử dụng trái phép chất ma tuý: ngày..... tháng..... năm.....

20 – Loại ma túy sử dụng:

+ Thuốc phiện: ☐ + Cần sa: ☐ + Cocain: ☐

+ Heroin: ☐ + Ma túy tổng hợp: ☐ + Ma túy khác: ☐

+ Sử dụng nhiều loại ma túy: ☐

21 – Hình thức sử dụng ma tuý:

+ Tiêm chích: ☐ + Hít: ☐ + Uống: ☐ + Khác: ☐

22 – Số lần cai nghiện :

+ Chưa được cai nghiện: ☐ + 1 lần: ☐ + 2 lần: ☐

+ 3 lần : ☐ + Từ 4 lần trở lên: ☐

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

ĐƠN VỊ LẬP BIỂU

.....

BIỂU MẪU TỔNG HỢP

BM2

THỐNG KÊ NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

Danh mục	Số liệu báo cáo
1. Tổng số người nghiện ma túy (*)	
1.1. Số chưa được cai nghiện	
1.2. Số đang cai nghiện tại cộng đồng	
1.3. Số đang cai nghiện tại gia đình	
1.4. Số đang quản lý sau cai tại nơi cư trú	
1.5 Số đang điều trị bằng thuốc thay thế (methadone)	
1.6. Số quản lý trong nhà tạm giữ	
1.7. Số đang quản lý trong trại tạm giam	
1.8. Số đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện	
1.9. Số đang quản lý sau cai tại cơ sở quản lý sau cai	
1.10. Số đang quản lý trong trại giam	
1.11. Số đang quản lý trong cơ sở giáo dục	
1.12. Số đang quản lý trong trường giáo dưỡng	
2. Giới tính	
2.1. Nam	
2.2. Nữ	
3. Độ tuổi	
3.1. Dưới 16 tuổi	
3.2.Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi	
3.3.Từ đủ 18 đến dưới 30 tuổi	
3.4.Từ đủ 30 tuổi trở lên	
4. Dân tộc	
4.1. Dân tộc Kinh	
4.2. Dân tộc khác	
5. Việc làm của người nghiện	
5.1. Có việc làm ổn định	
5.2. Có việc làm nhưng không ổn định	
5.3. Không có việc làm	
6. Thành phần	
6.1. Học sinh, sinh viên	
6.2. Cán bộ	
6.3. Công nhân	
6.4. Nông dân	
6.5. Khác	
7. Nhân thân	
7.1. Có tiền án các tội về ma túy	
7.2. Bị xử lý vi phạm hành chính về ma túy	
8. Loại ma túy sử dụng	
8.1. Thuốc phiện	
8.2. Cần sa	
8.3. Cocain	

8.4. Heroin	
8.5. Ma túy tổng hợp	
8.6. Ma túy khác	
8.7. Sử dụng nhiều loại ma túy	
9. Hình thức sử dụng	
9.1. Tiêm chích	
9.2. Hít	
9.3. Uống	
9.4. Khác	
10. Số lần cai nghiện	
10.1. 1 lần	
10.2. 2 lần	
10.3. 3 lần	
10.4. 4 lần trở lên	
11. Số người hoàn thành chương trình cai nghiện, quản lý sau cai (thuộc danh sách theo dõi, quản lý)	

* *Chú ý:* Tại mục 1

- Cấp xã thống kê từ mục 1.1 đến 1.5
- Cấp huyện thống kê từ mục 1.1 đến mục 1.6
- Cấp tỉnh thống kê từ mục 1.1 đến mục 1.9
- C44, A92 thống kê mục 1.7
- Cơ sở cai nghiện thống kê mục 1.8
- Cơ sở quản lý sau cai thống kê mục 1.9
- Tổng cục VIII thống kê từ mục 1.10 đến mục 1.12

……, ngày …… tháng …… năm ……

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)